

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở thực tiễn

Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 21/6/2012, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013 đến nay. Trên cơ sở các quy định của Luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền 70 văn bản để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và triển khai Luật (14 Nghị định, 21 Quyết định của Thủ tướng và 35 Thông tư).

a) Một số kết quả đạt được

- Về điều tra cơ bản tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành danh mục lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông nội tỉnh; danh mục nguồn nước liên tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia; 06 địa phương ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền; việc tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia cũng đang được thực hiện theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về công tác quy hoạch, đã có 07/15 quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (quy hoạch tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy hoạch tổng hợp của 05 lưu vực sông: Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srepok, Hồng - Thái Bình, Cửu Long).

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện đối với 642 hồ chứa, đập dâng. Đây là cơ sở cho việc quản lý, điều hòa, giám sát hoạt động sử dụng nước các hồ chứa và bảo đảm các yêu cầu sử dụng nước ở hạ du các hồ chứa cũng như giảm thiểu tác động của việc xây dựng, vận hành các hồ chứa đối với hạ du.

- Đến nay, đã có 47/63 tỉnh đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hầu hết các hồ thủy điện đang hoạt động (trên 1 triệu m³) đã

và đang hoàn thành việc cắm mốc hàng lang. Đồng thời, đã có 40/63 tỉnh, thành đã thực hiện việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt cho các công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh; có 27/63 tỉnh, thành đã ban hành Quyết định công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; có 47/63 tỉnh, thành phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; có 06/63 tỉnh, thành đã ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền.

- Việc điều hoà, phân bổ tài nguyên nước bảo đảm công bằng trong khai thác, sử dụng nước đã từng bước được hoàn thiện. Việc ban hành và thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm bảo đảm điều hoà, phân bổ nguồn nước cũng như sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra.

- Việc quản lý, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước được tăng cường, trong đó đã xây dựng và đang hoàn thiện hệ thống quan trắc giám sát tự động, trực tuyến phục vụ ra quyết định và quản lý ở Trung ương và địa phương.

- Việc bảo vệ, lưu thông dòng chảy, bảo vệ các nguồn nước đã phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương góp phần phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước.

- Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành gần 1.500 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền trên 12.000 tỷ đồng. Ở địa phương, các tỉnh đã phê duyệt tổng số tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên nước gần 600 tỷ đồng. Trung bình, số thu hàng năm từ tiền cấp quyền cho ngân sách Nhà nước khoảng 1.300 tỷ đồng và sẽ tiếp tục tăng do có thêm công trình khai thác tài nguyên nước đi vào hoạt động.

Qua hơn 10 năm thực hiện, Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của toàn xã hội về bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước; tài nguyên nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững hơn, mang lại nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, sau hơn 10 năm thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau đây:

- Một số quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 còn có sự giao thoa, chồng chéo với các luật khác dẫn đến khó thực hiện hoặc lãng phí nguồn lực cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất.

- Việc chưa tách bạch rõ trách nhiệm trong quản lý nguồn nước với trách nhiệm quản lý công trình khai thác, sử dụng nước cũng như các hoạt động liên quan đến nước cũng là hạn chế của Luật, cùng với một số nội dung của pháp luật có liên quan chưa thống nhất, đồng bộ với Luật Tài nguyên nước. Điều này

dẫn đến việc trên thực tế còn chông chéo về nhiệm vụ và bất cập trong phối hợp triển khai giữa các Bộ, ngành, địa phương.

- Thiếu khung pháp lý cho an ninh nguồn nước trong bối cảnh tài nguyên nước của nước ta đang phải chịu nhiều thách thức, đặc biệt là vấn đề bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt.

- Chưa có cơ chế, chính sách minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi, hấp dẫn khuyến khích các nguồn lực xã hội của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương như hoạt động quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;...cũng như đầu tư vào ngành nước nhằm nâng cao hiệu quả trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước.

- Chưa có chính sách, quy định cụ thể nhằm tính toán đầy đủ, định giá giá trị của tài nguyên nước điều này dẫn đến tình trạng sử dụng nước không tiết kiệm, thất thoát, lãng phí nước và triệt tiêu động lực phát triển, không kêu gọi được việc xã hội hóa trong ngành nước.

- Một số quy định điều kiện kinh doanh không còn phù hợp với điều kiện thực tế như quy định về thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước và lập quy hoạch về tài nguyên nước.

- Chưa có chính sách cụ thể, rõ ràng về sử dụng và phân bổ nguồn thu cho hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy, dẫn đến không thúc đẩy phát triển kinh tế các vùng miền.

- Ngoài ra, một số quy định không còn phù hợp hoặc cần phải có quy định cụ thể hơn hay phải bổ sung để nhằm quản lý chặt chẽ hơn như việc chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa; bổ sung nhân tạo nước dưới đất; kiểm soát các hoạt động đào hồ, ao tạo không gian chứa, trữ nước (hồ ao không trên sông suối) hoặc kênh nhân tạo dẫn nước; quy định liên quan đến phòng chống ngập úng khu vực đô thị; vấn đề chuyển đổi số, các quy định liên quan đến công cụ hỗ trợ ra quyết định cho công tác quản lý tài nguyên nước; quy định cụ thể đối tượng cụ thể thuộc trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác; các trường hợp phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước,...

Bên cạnh đó, việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước ở một số nơi còn chưa nghiêm và việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm chưa được thực hiện tốt; các cơ chế tài chính, chế tài, công cụ kiểm soát, giám sát chưa hiệu quả; các cơ chế hợp tác, giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới còn chưa đồng bộ; sự phối hợp chưa đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành cũng là một vấn đề lớn cần giải quyết.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

Sau khi Luật Tài nguyên nước có hiệu lực, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và nhà nước liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên, trong đó có tài nguyên nước, cụ thể:

- Hiến pháp năm 2013 quy định: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên”. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ “Xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: “Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

- Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ ban hành về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu nhấn mạnh Tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển vùng, cần phải được quản lý tổng hợp trên toàn lưu vực. Bên cạnh tài nguyên nước ngọt, cần coi nước lợ, nước mặn cũng là nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tiết kiệm và bền vững tài nguyên nước trong vùng.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

- Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

- Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2045, trong đó nêu giải pháp rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng...

Tại các Nghị quyết về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật của Chính phủ (số 13/NQ-CP ngày 30/01/2022, số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023), Chính phủ đã thống nhất về sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu sửa đổi Luật Tài nguyên nước năm 2012 cũng như các nội dung cơ bản của dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); đồng thời Chính phủ cũng đã giao Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà chỉ đạo việc hoàn thiện dự án Luật này, để trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến lần đầu về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5 năm 2023).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch để có khả năng khai thác tối đa nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; phân định rõ trách nhiệm quản lý nguồn nước và trách nhiệm quản lý công trình khai thác nước cả trung ương và địa phương khắc phục các chong chéo, xung đột pháp luật.

b) Hướng tới quản lý tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, thống nhất về cơ sở dữ liệu, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước; giảm điều kiện kinh doanh cho tổ chức, cá nhân.

c) Chuyển dần từ quản lý bằng công cụ hành chính sang quản lý bằng công cụ kinh tế thông qua các chính sách về: giá nước, thuế, phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đẩy mạnh xã hội hoá.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Thể chế hóa quan điểm tài nguyên nước là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước thống nhất quản lý. Tài nguyên nước phải là cốt lõi trong xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch dân cư, quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác sử dụng nước, hoạch định chiến lược phát triển đất nước.

b) Các quy định của Luật phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành liên quan và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

c) Kế thừa các quy định của Luật 2012 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp.

d) Thiết lập hệ thống hành lang pháp lý cho quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các quy định liên quan đến quản lý nguồn nước, khai thác, sử dụng, cấp nước trong Luật Tài nguyên nước; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách theo hướng xã hội hóa ngành nước.

đ) Đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước.

e) Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn; luật hóa các quy định đã được thực tiễn khẳng định phù hợp.

g) Phát triển kinh tế nước, coi sản phẩm nước là hàng hóa thiết yếu; bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn nước.

h) Tiếp cận theo xu thế của quốc tế có tính đặc thù của Việt Nam; sửa đổi Luật theo hướng quy định tích hợp các nội dung liên quan đến tài nguyên nước; đồng thời, giao trách nhiệm cho các bộ, ngành quản lý theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại các luật có liên quan đến tài nguyên nước như: thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông thủy,...

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) gồm các thành viên thuộc: Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Chính phủ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường các thành phố trực thuộc trung ương và nhiều chuyên gia trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Việc soạn thảo dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 với các hoạt động chính cụ thể như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ động rà soát, đánh giá 48 bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội có liên quan đến tài nguyên nước và xây dựng báo cáo rà soát, đã phát hiện có 11 luật liên quan trực tiếp đến tài nguyên nước; xác định rõ những nội dung, chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật Tài nguyên nước.

2. Nhằm tổng kết thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2012, ngày 16/7/2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có công văn số 3951/BTNMT-TNN và công văn số 3952/BTNMT-TNN gửi các Bộ: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Bộ đã tổng hợp các báo cáo về việc thi hành Luật và các đề xuất của Bộ, ngành, địa phương về các nội dung của Luật để xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012, trên cơ sở đó xây dựng dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

3. Trong quá trình xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), cơ quan soạn thảo đã trực tiếp trao đổi, làm việc với các chuyên gia quốc tế của các tổ chức WorldBank, AFD, KOICA, IUCN, JICA... để hiểu sâu hơn mô hình quản lý, bồi cảnh quy định, trình độ phát triển, thực tiễn triển khai các chính sách tại các quốc gia tiên tiến trên thế giới, cũng như các quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Cụ thể, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước thuộc thể mạnh của các nước trên thế giới thông qua sự hỗ trợ của các chuyên gia quốc tế như chuyên gia Úc về khan hiếm và điều hoà, phân bổ tài nguyên nước; chuyên gia Hà Lan về trữ nước, hành lang bảo vệ nguồn nước và nước ngầm; chuyên gia Ngân hàng Thế giới về kinh tế nước; chuyên gia Pháp về quản lý tổng hợp lưu vực sông; chuyên gia Hàn Quốc về cải tạo, phục hồi dòng sông, cơ sở thông tin, số liệu; chuyên gia Mỹ liên quan đến nội dung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; chuyên gia Ý liên quan đến điều hành, vận hành hồ chứa nước, chuyên gia Phần Lan liên quan đến nước dưới đất,...

Đồng thời, đã tổ chức nhiều buổi làm việc, hội thảo các chuyên gia trong nước và quốc tế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam góp ý đối với từng nội dung của dự thảo Luật.

4. Dự thảo Luật Tài nguyên nước đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (Công văn số 5544/BTNMT-TNN ngày 20/9/2022 đề nghị góp ý dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và Công văn 6566/BTNMT-TNN ngày 02/11/2022 đôn đốc cho ý kiến dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và trang thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định (Công văn số 5545/BTNMT-TNN ngày 20/9/2022). Bộ đã nhận được 94 văn bản và ý kiến đóng góp (20 văn bản góp ý của bộ và cơ quan ngang bộ, 63 văn bản góp ý của cơ quan cấp tỉnh, 10 văn bản của các hiệp hội, doanh nghiệp khai thác sử dụng nước lớn và Cổng thông tin điện tử Chính phủ).

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sử dụng nước, các chuyên gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo 3 dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

5. Ngày 30/12/2022, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Báo cáo thẩm định số 243/BCTĐ-BTP. Dự thảo đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ tại Tờ trình số 01/TTr-BTNMT ngày 10/01/2023.

6. Ngày 02/02/2023, Chính phủ đã họp cho ý kiến về nội dung của dự án luật và thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023. Trên cơ sở ý kiến của các Thành viên Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

7. Ngày 17/02/2023, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại tờ trình số 37/TTr-CP.

8. Ngày 13/3/2023, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có Báo cáo số 1275/BC-UBKHHCNMT15 về Thẩm tra sơ bộ dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

9. Ngày 15/3/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp và cho ý kiến về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Phiên họp thứ 21 và đã có Kết luận tại Thông báo số 2127/TB-TTKQH ngày 31/3/2023 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ka Pét huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (tại Phiên họp thứ 21, tháng 03/2023).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật bám sát vào bốn chính sách đã được Chính phủ trình Quốc hội và không bổ sung chính sách mới, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

- Luật này quy định về quản lý, bảo vệ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **và** nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Về cơ bản, phạm vi điều chỉnh được giữ nguyên như Luật 2012.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

3. Bộ cục dự thảo Luật

Dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi gồm **83** điều và được bố cục thành 10 chương. So với Luật Tài nguyên nước năm 2012, dự thảo Luật không tăng về số chương (trong đó giữ nguyên **9** điều; sửa đổi, bổ sung **59** điều; bổ sung mới **15** điều) và bãi bỏ **13** điều. Các chương được sắp xếp, bố cục lại cụ thể như sau:

- Chương I. Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10).
- Chương II. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước, gồm 12 điều (từ Điều 11 đến Điều 22).
- Chương III. Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước, gồm 13 điều (từ Điều 23 đến Điều 35).
- Chương IV. Điều hòa, phân phối và Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm 22 điều (từ Điều 36 đến Điều 57).
- Chương V. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, gồm 6 điều (từ Điều 58 đến Điều 63).
- Chương VI. Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước, gồm 8 điều (từ Điều 64 đến Điều 71).
- Chương VII. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước, gồm 4 điều (từ Điều 72 đến Điều 75).
- Chương VIII. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước, gồm 3 điều (từ Điều 76 đến Điều 79).
- Chương IX. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước, gồm 2 điều (từ Điều 79 đến Điều 80).
- Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (từ Điều 81 đến Điều 83).

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

a) Chương I. Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10)

Chương này quy định những nội dung về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (Điều 4); Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước (Điều 5); Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước (Điều 6); Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước (Điều 7); Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Điều 8); Dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước (Điều 9); Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 10).

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 về các nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (Điều 4); chính sách của

Nhà nước về tài nguyên nước (Điều 5); phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước (Điều 6); Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước (Điều 7).

- Bổ sung quy định về các loại hình hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước; trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý, vận hành; quản lý thông tin dữ liệu tài nguyên nước theo hướng công khai để tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng có thể tiếp cận; quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân trong việc cập nhật thông tin, số liệu vào hệ thống CSDL và dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước (Điều 8, Điều 9).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó sửa đổi, bổ sung hành vi cấm lấp sông, suối, kênh, rạch; xả nước thải vào nguồn nước dưới đất; khai thác trái phép cát, sỏi và các loại khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (chuyên nội dung của Điều 6) và ghép với nội dung về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (ghép với Điều 44) vì nội dung này chỉ liên quan đến cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

b) Chương II. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước, gồm 12 điều (từ Điều 11 đến Điều 22)

Chương này quy định những nội dung về: Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 11); Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 12); Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 13); Chiến lược tài nguyên nước (Điều 14); Quy hoạch về tài nguyên nước (Điều 15); Căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 16); Nguyên tắc lập quy hoạch lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 17); Nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 18); Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh (Điều 19); Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (Điều 20); Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 21); Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (Điều 22). Những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra cơ bản tài nguyên nước theo hướng quy định rõ các hoạt động thuộc đối tượng điều tra định kỳ thường xuyên và không định kỳ. Quy định trách nhiệm tổ chức, cá nhân phải cập nhật kết quả thực hiện vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (Điều 12, 13).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 về quy hoạch về tài nguyên nước, trong đó bổ sung Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nước liên quốc gia vì phạm vi thực hiện

quy hoạch này cũng trùng với phạm vi thực hiện Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 về nguyên tắc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy định rõ các nguyên tắc lập quy hoạch và là cơ sở cho lập các quy hoạch ngành có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác; bổ quy định về việc lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nước liên quốc gia để thống nhất với Điều 15.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 về nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phù hợp với thực tế và Luật Quy hoạch; bãi bỏ các nội dung trùng lặp với nội dung lập quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 về nội dung quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh. Đồng thời, bổ sung quy định xác định các vùng, tiểu lưu vực sông, nguồn nước ưu tiên lập kế hoạch chi tiết điều hòa, phân bổ, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 về rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm và giao Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định việc điều chỉnh đối với một số trường hợp (vùng chức năng của nguồn nước; bổ sung, điều chỉnh hoặc đưa ra khỏi quy hoạch công trình điều tiết, trữ nước, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 về thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy định rõ thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch và giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 22 về công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy định rõ thời gian phải công bố quy hoạch, đăng tải trên cổng thông tin điện tử; quy định thông tin, dữ liệu, công cụ phục vụ xây dựng quy hoạch phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật thường xuyên, liên tục.

- Dự thảo Luật bổ quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản tài nguyên nước và quy định về điều kiện của đơn vị tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước (Điều 10 và Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2012).

c) Chương III. Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước, gồm 13 điều (từ Điều 23 đến Điều 35)

Chương này quy định những nội dung: Chức năng nguồn nước (Điều 23); Hành lang bảo vệ nguồn nước (Điều 24); Dòng chảy tối thiểu (Điều 25);

Ngưỡng khai thác nước dưới đất (Điều 26); Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy (Điều 27); Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt (Điều 28); Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác (Điều 29); Bảo vệ nước dưới đất (Điều 30); Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy (Điều 31); Bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa (Điều 32); Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước (Điều 33); Phòng, chống ô nhiễm nước biển (Điều 34); Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước (Điều 35). Trong đó đã sắp xếp, bố cục lại các điều trong chương này cho phù hợp, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Quy định cụ thể về chức năng nguồn nước và việc phân vùng chức năng nguồn nước tại Điều 23 về chức năng nguồn nước.

- Bổ sung Điều 24 về hành lang bảo vệ nguồn nước trong dự thảo theo hướng quy định rõ chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước, các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cơ quan liên quan.

- Bổ sung Điều 25 về dòng chảy tối thiểu theo hướng quy định sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng phải được xác định dòng chảy tối thiểu, nguyên tắc xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Bổ sung Điều 26 về ngưỡng khai thác nước dưới đất theo hướng quy định việc xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất là căn cứ, thẩm định quyết định một số các nhiệm vụ lớn; quy định nguyên tắc xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất.

- Kế thừa và hoàn thiện quy định về bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy (Điều 27).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 về bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trong dự thảo theo hướng quy định các nội dung bảo vệ nguồn nước cho sinh hoạt và trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức/cá nhân trong bảo vệ chất lượng nguồn nước cho sinh hoạt, trong đó có quy định tiêu chí xác định công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 về bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác trong dự thảo theo hướng quy định rõ các hoạt động sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khai khoáng và tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích giao thông vận tải thủy, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các mục đích khác không được gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước; quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30 về bảo vệ nước dưới đất trong dự thảo theo hướng bổ sung thêm các hoạt động gây ảnh đến nước dưới đất phải được kiểm soát; quy định về bảo vệ chất lượng nước dưới đất; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, và các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương trong bảo vệ nước dưới đất.

- Bổ sung Điều 32 dự thảo về bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa, theo đóa, quy định rõ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa; quy định việc kiểm soát, giám sát chặt chẽ các hoạt động không ảnh hưởng đến giá trị của nguồn nước đối với hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo hướng bổ sung thêm quy định các công trình khai thác sử dụng nước kém hiệu quả gây suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước phải cải tạo, nâng cấp, hoặc phá dỡ; nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí dân cư ở ven các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 về phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước, trong đó bổ sung biện pháp phục hồi, nguồn kinh phí phục hồi và dẫn chiếu việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bỏ quy định về trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên nước và quy định liên quan đến giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (tại các Điều 25, Điều 37 và Điều 38 của Luật Tài nguyên nước 2012) do Luật Môi trường đã bãi bỏ quy định này.

d) Chương IV. Điều hòa, phân phối và Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm 22 điều (từ Điều 36 đến Điều 57)

Chương này quy định những nội dung về: Điều hòa, phân phối tài nguyên nước (Điều 36); Điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước (Điều 37); Chuyển nước lưu vực sông (Điều 38); Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (Điều 39); Bổ sung nhân tạo nước dưới đất (Điều 40); Gây mưa nhân tạo (Điều 41); Quy định chung về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 42); Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 43); Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 44); Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt

(Điều 45); Khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp (Điều 46); Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện (Điều 47); Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản (Điều 48); Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản (Điều 49); Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy (Điều 50); Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác (Điều 51); Thăm dò nước dưới đất và hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 52); Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng (Điều 53); Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 54); Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (Điều 55); Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (Điều 56); Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (Điều 57). Trong đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 về điều hòa, phân phối tài nguyên nước theo hướng quy định các nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng; việc xây dựng, công bố kịch bản nguồn nước; việc thực hiện hoạt động điều hòa, phân bổ tài nguyên nước và quy định trách nhiệm trong điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Bổ sung Điều 37 về điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ, cơ quan bộ, địa phương và các tổ chức, cá nhân trong thực hiện điều hoà, phân phối nguồn nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 về chuyển nước lưu vực sông theo hướng quy định việc chuyển nước đối với dự án quy mô lớn, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân; giao Chính phủ quy định chi tiết quy mô, trình tự, thủ tục thẩm định dự án chuyển nước.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (Điều 39) theo hướng quy định trách nhiệm trong xây dựng, thẩm định Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; quy định quy trình vận hành liên hồ chứa hướng tới theo thời gian thực bảo đảm tối ưu việc điều tiết nước cho các mục đích sử dụng; bổ sung quy định giao UBND cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp vận hành đối với các hồ chứa không nằm trong quy trình vận hành liên hồ chứa; quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện; bổ sung quy định về an toàn đập, hồ chứa nước và dẫn chiếu áp dụng pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 về bổ sung nhân tạo nước dưới đất theo hướng quy định trách nhiệm trong việc bổ sung nhân tạo nước dưới đất và khu vực bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 về gây mưa nhân tạo theo hướng dẫn chiếu theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

- Bổ sung Điều 42 về quy định chung về quản lý khai thác, sử dụng tài

nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó bổ sung quy định về nghĩa vụ trong trường hợp hạn hán, thiếu nước phải cắt, giảm lượng nước khai thác, sử dụng; điều chỉnh chế độ khai thác, vận hành công trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 44 về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng quy định các trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, cấp phép, ghép nội dung về lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại Điều 8 Luật tài nguyên nước năm 2012 và quy định về thẩm quyền cấp giấy phép về tài nguyên nước tại Điều 73 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 45 về khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt theo hướng quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành địa phương; phân vùng cấp nước; trách nhiệm của tổ chức/cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước cho sinh hoạt (đơn vị cấp nước) theo hướng phải thực hiện quan trắc, giám sát nguồn nước, có phương án, phòng ngừa ứng phó sự cố khi nguồn nước không đảm bảo.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46 về khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp theo hướng quy định về trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức/cá nhân trong việc khai thác, sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước, kiểm soát hoạt động sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 về khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện theo hướng quy định về trách nhiệm của Bộ Công Thương, các tổ chức/cá nhân trong việc khai thác, sử dụng nước cho thủy điện.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 48 về khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản theo hướng quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 50 về khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy theo hướng quy định các hoạt động giao thông thủy, xây dựng và quản lý các công trình khác đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52 về thăm dò nước dưới đất và hành nghề khoan nước dưới đất theo hướng quy định hoạt động thăm dò nước dưới đất phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân có giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 53 về hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa,

đập dâng theo hướng quy định quản lý khai thác, sử dụng đối với các hồ chứa trên sông suối và hồ chứa không trên sông, suối, trong đó quy định việc chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa; an toàn đập, hồ chứa nước; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 54 về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước và tổ chức cá nhân trong việc tổ chức thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo hướng bổ sung quy định tại khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước tổ chức, cá nhân đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải có giải pháp tuần hoàn, tái sử dụng nước thải trong giai đoạn thiết kế dự án.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 56 về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo hướng quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và tổ chức cá nhân trong việc ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 về biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo hướng quy định trách nhiệm của cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ và tổ chức cá nhân trong việc tổ chức thực hiện biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Chương V. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, gồm 6 điều (từ Điều 58 đến Điều 63)

Chương này quy định những nội dung về: Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (Điều 58); Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra (Điều 59); Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo (Điều 60); Phòng, chống xâm nhập mặn (Điều 61); Phòng, chống sụt, lún đất (Điều 62); Phòng chống sạt, lở, lòng, bờ, bãi sông, hồ (Điều 63). Trong đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo theo hướng quy định các hoạt động phòng chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức cá nhân trong tổ chức thực hiện phòng chống hạn, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo.

- Sửa đổi bổ sung Điều 63 về phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, trong đó quy định các hoạt động phòng chống sạt, lở, lòng, bờ, bãi sông, hồ; các hoạt động có nguy cơ gây tác động xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ và được thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản; quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong tổ chức thực hiện.

e) Chương VI. Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước, gồm 8 điều (từ Điều 64 đến Điều 71)

Chương này quy định những nội dung về: Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước (Điều 64); Thuế, phí về tài nguyên nước (Điều 65); Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 66); Dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước (Điều 67); Tích hợp hoạt động tài nguyên nước (Điều 68); Ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước (Điều 69); Nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước (Điều 70); Đầu tư phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hoá (Điều 71). Trong đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung Điều 65 quy định về thuế, phí về tài nguyên nước.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 66 quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo hướng quy định các đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác nước (trong đó bổ sung mới quy định thu tiền cấp quyền đối với mục đích sinh hoạt, nông nghiệp và có lộ trình) và quy định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động về bảo vệ, phát triển nguồn nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, giao Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền, được miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Bổ sung Điều 67 quy định về dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước, trong đó quy định cụ thể các dịch vụ về bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; nguyên tắc chi trả dịch vụ; quy định trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong cung cấp dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước và được chi trả dịch vụ hệ sinh thái.
- Bổ sung Điều 68 quy định về tích hợp hoạt động tài nguyên nước, trong đó làm rõ mục đích, ý nghĩa về tích hợp tài nguyên nước và trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia thực hiện tích hợp tài nguyên nước.
- Bổ sung Điều 69 quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước, trong đó quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước; các hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước được ưu đãi, hỗ trợ.
- Bổ sung Điều 70 quy định về nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước, trong đó quy định rõ các nguồn lực để thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn nước; làm rõ các hoạt động ưu tiên xã hội hoá, chính sách xã hội hoá trong bảo vệ, phát triển tài nguyên nước.
- Bổ sung Điều 71 quy định về đầu tư phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hóa theo hướng quy định cụ thể hoạt động phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; quy định ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án có hoạt động phát triển,

tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; quy định trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và UBND cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện.

g) Chương VII. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước, gồm 4 điều (từ Điều 72 đến Điều 75)

Chương này quy định những nội dung về: Nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước (Điều 72); Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia (Điều 73); Nội dung hợp tác quốc tế về tài nguyên nước (Điều 74); Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia (Điều 75). Trong đó, về cơ bản kế thừa các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và chỉ chỉnh sửa lại thuật ngữ cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

h) Chương VIII. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước, gồm 3 điều (từ Điều 76 đến Điều 78)

Chương này quy định những nội dung về: Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 76); Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 77); Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông (Điều 78). Trong đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 76 về trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, trong đó quy định tích hợp các trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ về quản lý tài nguyên nước và có liên quan về khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương...) trong một luật để quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước, đảm bảo không gây chồng chéo, giao thoa trong quản lý về nguồn nước và khai thác, sử dụng, bảo vệ và phòng chống tác hại do nước gây ra, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, quản lý hoạt động khai thác, quản lý hệ thống cấp nước...

Bổ sung quy định rõ trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước nông thôn và bảo đảm về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý; trách nhiệm của Bộ Công Thương trong quản lý các công trình hồ chứa thủy điện, nhà máy nhiệt điện, các công trình khai thác, sử dụng nước cho công nghiệp; trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong quản lý các công trình cấp nước đô thị, thoát nước đô thị và các khu dân cư nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này; quy định trách nhiệm của Các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn

của mình theo nhiệm vụ được giao.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 77 các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp, trong đó quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 78 về điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông, theo hướng quy định các hoạt động sau đây trên lưu vực sông cần được điều phối, giám sát và Trách nhiệm điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông.

- Ghép nội dung Điều 73 về thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, đăng ký khai thác, sử dụng nước vào Điều 44 dự thảo Luật.

- Bỏ Điều 74 về Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước của Luật Tài nguyên nước 2012.

i) Chương IX. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước, gồm 2 điều (từ Điều 79 đến Điều 80)

Chương này quy định những nội dung về: Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước (Điều 79); Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước (Điều 80). Trong đó kế thừa giữ nguyên các điều. Trong đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi bổ, sung Điều 79 về thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước theo hướng quy định Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thanh tra.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80 về giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo hướng quy định tranh chấp về tài nguyên nước, hòa giải tranh chấp về tài nguyên nước và trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện.

k) Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (từ Điều 81 đến Điều 83).

Chương này quy định những nội dung về: Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến tài nguyên nước (Điều 81); Hiệu lực thi hành (Điều 82); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 83).

Bỏ Điều 79 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Tài nguyên nước 2012.

Dự thảo Luật không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Luật tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Chính phủ

trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm: (1) Tờ trình Quốc hội và Phụ lục nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (2) Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (8) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan; Bản sao ý kiến góp ý; (9) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (10) Báo cáo đánh giá tình hình thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012; (11) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế; (12) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban KH, CN và MT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TP, NN&PTNT, XD, CT, TN&MT;
- Lưu: VT, PL (03).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC
NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA ỦY BAN
THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ DỰ ÁN LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)
(Kèm theo Tờ trình số..... 162/TTr-CP ngày 28/04/2023 / /2023)

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tại Thông báo số 2127/TB-TTKQH ngày 31/3/2023) và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc Hội (Báo cáo số 1275/BC-UBKHCMNT15 ngày 13/3/2023), ý kiến của các cơ quan của Quốc hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 37/TTr-CP ngày 17/2/2023, Chính phủ báo cáo Quốc hội về các nội dung tiếp thu, giải trình, cụ thể như sau:

1. Về đề nghị tiếp tục rà soát, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng về quản lý, bảo vệ, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt là Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045 để chủ động tích trữ nước, điều tiết đảm bảo đủ nước cấp, sinh hoạt và sản xuất; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, sử dụng khoa học, công nghệ trong quản trị và phát triển tài nguyên nước:

Về ý kiến này, Chính phủ đã rà soát, bổ sung toàn bộ dự thảo Luật nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng về quản lý, bảo vệ, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt là Kết luận số 36- KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị để nhằm chủ động tích trữ nước, điều tiết đảm bảo đủ nước cấp, sinh hoạt và sản xuất như: quy hoạch về tài nguyên nước tại Điều 21 (nay là Điều 15), quy định về điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các Điều 39, 40, 56, 63 (nay là các Điều 36, 37, 53, 60). Đặc biệt, trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước thì việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước để đảm bảo đủ nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất đã được quy định cụ thể tại Điều 40 (nay là Điều 37). Việc chủ động tích nước, trữ nước cũng đã được thể hiện trong Điều 56 và Điều 63 (nay là Điều 53, 60). Đồng thời, Chính phủ đã rà soát, nghiên cứu và bổ sung, làm rõ quy định về việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích như: sinh hoạt; sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất công nghiệp; giao thông thủy; thủy điện; thể thao và du lịch; bảo tồn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và giá trị văn hoá; tạo cảnh quan, môi trường; bảo vệ, bảo tồn sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học tại Điều 39 (nay là Điều 36).

2. Về đề nghị tiếp tục rà soát các quy định chung (phạm vi, đối tượng điều chỉnh; các quy định về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước; chỉnh sửa một số từ ngữ, khái niệm; bổ sung chính sách mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về tài nguyên nước; rà soát bổ sung nội dung tích lũy, tích trữ nước ngọt, tái sử dụng nước, tuần hoàn nước; cơ chế giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước...):

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã bổ sung giải thích thuật ngữ về “phục hồi nguồn nước” tại khoản 21 Điều 3; bổ sung quy định về nguyên tắc quản lý tài nguyên nước, theo đó, việc quản lý tài nguyên nước phải phân công, phân cấp rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về nguồn nước và trách nhiệm quản lý xây dựng, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, sản xuất công nghiệp, giao thông thủy, thủy điện, thể thao và du lịch tại khoản 2 điều 5 (nay là khoản 2 Điều 4); bổ sung chính sách mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về tài nguyên nước và thực hiện cam kết quốc tế về tài nguyên nước tại khoản 6 Điều 5 (nay là khoản 6 Điều 5) của dự thảo Luật; quy định sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật (nay là Điều 81) của dự thảo Luật.

3. Về đề nghị rà soát các quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thống nhất với các luật khác; bố cục, sắp xếp lại các quy định về các loại quy hoạch trong dự thảo Luật bảo đảm logic, thống nhất về cách trình bày:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã rà soát các quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thống nhất với các luật khác. Đồng thời, bố cục, sắp xếp lại các quy định về quy hoạch về tài nguyên nước trong dự thảo Luật bảo đảm logic và thống nhất tại các Điều 17 đến Điều 25 (nay là các Điều 15 đến Điều 22); lồng ghép quy định về quy hoạch tài nguyên nước tại Điều 20 vào Điều 15 của dự thảo này; bổ sung quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập danh mục lưu vực sông liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; lập, ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh, danh mục nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia tại khoản 4 Điều 9 (nay là Điều 7).

4. Về đề nghị hoàn thiện các quy định về nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; hành vi bị nghiêm cấm đảm bảo rõ ràng, khả thi, tránh dàn trải, trùng lặp và không mâu thuẫn với các luật khác, nhấn mạnh việc phục hồi tài nguyên nước; bổ sung thêm chức năng phòng, chống thiên tai của nguồn nước; quy định cụ thể hơn phân cấp và lộ trình xác định dòng chảy tối thiểu:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã rà soát và hoàn thiện các quy định về nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại Điều 5 (nay là Điều 4) của dự thảo Luật; bổ sung, làm rõ hành vi bị nghiêm cấm khai thác trái phép cát, sỏi, bùn, đất và các loại khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa tại khoản 5 Điều 12 (nay là Điều 10); bổ sung chức năng tiêu thoát lũ của nguồn nước vào khoản 3 và bổ sung quy định căn cứ xác định chức năng nguồn nước vào khoản 4, quy định việc xem xét, điều chỉnh chức năng nguồn nước tại Điều 26 (nay là Điều 23); bổ sung quy định cụ thể phân cấp về việc lập, điều chỉnh, danh mục các sông, suối phải xác định dòng chảy tối thiểu và việc chủ trì thực hiện việc xác định, điều chỉnh

giá trị dòng chảy tối thiểu, đồng thời, bổ sung quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định dòng chảy tối thiểu tại khoản 4, 5 Điều 28 (nay là Điều 25); bổ sung quy định về việc rà soát, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối tại khoản 6 Điều 25; bổ sung rõ trường hợp không phải xác định dòng chảy tối thiểu.

5. Về đề nghị hoàn thiện các quy định về điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bổ sung các quy định bổ cập nước dưới đất và thu nước mưa trên bề mặt, hạn chế bê tông hóa bề mặt đất; bổ sung các quy định để nêu bật tính cạnh tranh và vai trò của các thành phần kinh tế trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bổ sung quy định về tái sử dụng nước; hoàn thiện quy định lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân đảm bảo tính khả thi và có đủ căn cứ thực hiện:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã nghiên cứu, rà soát hoàn thiện các quy định về điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước từ Điều 39 đến Điều 44 của dự thảo Luật (nay là Điều 36 đến Điều 41); sửa đổi, bổ sung quy định chung về khai thác, sử dụng nước tại Điều 45 (nay là Điều 42); bổ sung quy định nguồn nước bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất là nước mặt, nước mưa tại khoản 3 Điều 43 (nay là Điều 40); tại khoản 10 Điều 63 (nay là Điều 60) bổ sung quy định giao Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, thiết kế xây dựng hạ tầng đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, trong đó bổ sung quy định về tích trữ, tiêu thoát nước mưa đảm bảo không gây ngập úng nhân tạo. Đồng thời, rà soát, chỉnh sửa nội dung về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (chuyển nội dung của Điều 8) và ghép với nội dung Điều 47 về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (nay là Điều 44) vì nội dung này chỉ liên quan đến cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Về đề nghị rà soát các quy định về trách nhiệm quản lý tài nguyên nước để đảm bảo phân cấp, phân quyền cụ thể, tách bạch phạm vi quản lý nhà nước của từng cơ quan, đơn vị, tránh chồng chéo và đảm bảo thống nhất từ trung ương đến địa phương:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã sửa đổi theo hướng quy định rõ về việc phân cấp và lồng ghép quy định về thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đăng ký khai thác, sử dụng nước sang điều quy định về cấp phép để đảm bảo tính thống nhất (từ Điều 82 chuyển sang nội dung của Điều 44 của dự thảo này).

7. Về đề nghị hoàn thiện công cụ chính sách về nguồn lực cho tài nguyên nước, các quy định liên quan đến tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trường hợp miễn, giảm, các ưu đãi hỗ trợ; bổ sung yếu tố mức độ khan hiếm của tài nguyên nước để quy định các khoản thu, các khoản thuế, giá nước phù hợp với

đặc điểm của từng khu vực:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã bổ sung quy định về chính sách về nguồn lực cho tài nguyên nước tại Điều 6 (nay là Điều 5) của dự thảo Luật; bổ sung quy định trường hợp phải cắt, giảm lượng nước khai thác, sử dụng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì được giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tương ứng với lượng nước bị cắt giảm tại Điều 46 (nay là Điều 43); Chính phủ tiếp tục nghiên cứu yếu tố mức độ khan hiếm của tài nguyên nước để xem xét, quy định các khoản thu, các khoản thuế, giá nước phù hợp với thực tế.

8. Về đề nghị rà soát các quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước; hoàn thiện các quy định về điều hòa, dự trữ, phân phối, khai thác, phục hồi, sử dụng tuần hoàn và bảo vệ tài nguyên nước, hợp tác quốc tế, thanh tra, giải quyết các tranh chấp về tài nguyên nước:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã rà soát, chỉnh sửa quy định về dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước tại Điều 11 (nay là Điều 8) theo quy định của Chính phủ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến; bổ sung quy định rõ việc triển khai phục hồi nguồn nước tại Điều 38 (nay là Điều 35); bổ sung quy định nhà nước ưu tiên phục hồi các nguồn nước sinh hoạt bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt tại Điều 31 (nay là Điều 28); bổ sung quy định trường hợp nguồn nước đã phục hồi thì được đưa ra khỏi danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tại khoản 3 Điều 35 (nay là Điều 30).

9. Về đề nghị rà soát kỹ từng điều khoản của dự thảo Luật đảm bảo rõ ràng, cụ thể, khả thi, tính thống nhất; rà soát, xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập với các luật khác để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, kể cả các luật đang sửa đổi. Rà soát kỹ các quy định về áp dụng luật, điều khoản thi hành, điều khoản chuyển tiếp; thời điểm luật có hiệu lực thi hành, đảm bảo tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khả thi, tránh vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn; rà soát để quy định tối đa trong Luật các nội dung đã rõ, đã được thực tiễn kiểm nghiệm; hoàn thiện dự thảo các văn bản hướng dẫn kèm theo dự án Luật:

Tiếp thu ý kiến này, Chính phủ đã bỏ nội dung quy định về áp dụng luật tại Điều 4 của dự thảo Luật; bổ sung quy định về thời điểm thi hành Luật tại Điều 86 (nay là Điều 82). Ngoài ra, tiếp thu ý kiến quy định tối đa trong Luật các nội dung đã rõ, Chính phủ đã rà soát, nghiên cứu, tiếp thu theo hướng bổ sung quy định rõ trong Luật hoặc giao Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật để giảm 13 nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại các điều quy định về: Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước; Dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước; Chức năng nguồn nước; Dòng chảy tối thiểu; Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Hồ ao không được

san lấp và hoạt động đào hồ, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan (từ 33 nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết còn 20 nội dung).

Đối với các nội dung khác như quy định về: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước; Hành lang bảo vệ nguồn nước; Bảo vệ nước dưới đất; Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; Điều hòa, phân phối tài nguyên nước; Chuyển nước lưu vực sông; Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa; Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; Tích hợp hoạt động tài nguyên nước... là những nội dung phức tạp, cần hướng dẫn chi tiết để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Luật. Vì vậy, Chính phủ đề nghị được tiếp tục nghiên cứu những nội dung nêu trên và giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết.

Hiện nay, Chính phủ đang tiếp tục rà soát từng điều khoản của dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng, cụ thể, khả thi, tính thống nhất; xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập với các luật khác để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, kể cả các luật đang sửa đổi.

Những nội dung Chính phủ tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung nêu trên nhằm tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để hoàn thiện dự thảo Luật. Ngoài ra, có một số nội dung chỉnh sửa mang tính kỹ thuật soạn thảo, phương thức thể hiện các nội dung chi tiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Các nội dung tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung của Chính phủ tại dự thảo Luật không yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa nội dung có chính sách mới, không làm thay đổi các nội dung chính của dự thảo Luật mà Chính phủ đã trình Quốc hội và vẫn giữ nguyên 4 chính sách đã được Quốc hội thông qua.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc Hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định./.